

Số: /2021/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13 và Luật số 71/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về mức, thời gian ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến ưu đãi đầu tư đặc biệt được quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển* bao gồm khấu hao đầu tư cơ sở hạ tầng, tài sản cố định, chi thường xuyên hàng năm cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; chi hoạt động đào tạo, hỗ trợ đào tạo cho lao động nghiên cứu và phát triển của tổ chức kinh tế, các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo tại Việt Nam; phí bản quyền, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển; phí đăng ký công nhận hoặc bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích tại Việt Nam.

2. *Lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển* là lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên (trong đó lao động có trình độ cao đẳng không

vượt quá 30%) và đã ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 năm trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn.

3. *Giá trị gia tăng* là giá thành toàn bộ hàng hóa, dịch vụ trừ đi các khoản chi phí trả cho bên nước ngoài như chi phí nguyên vật liệu đầu vào, khấu hao tài sản cố định máy móc thiết bị, chi phí công cụ dụng cụ nhập khẩu từ nước ngoài; phí bản quyền, phí chuyển giao công nghệ, chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí tài chính và các loại chi phí khác phải trả cho bên nước ngoài (không bao gồm nguyên vật liệu nhập khẩu tại chỗ có Chứng nhận xuất xứ Việt Nam theo quy định hiện hành).

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng, điều chỉnh ưu đãi đầu tư đặc biệt

1. Ưu đãi đầu tư đặc biệt quy định tại Quyết định này áp dụng cho dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, dự án đầu tư không thực hiện đúng cam kết và điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt thì xử lý như sau:

a) Trường hợp chưa được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt, tổ chức kinh tế không được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại Quyết định này;

b) Trường hợp đã hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt, tổ chức kinh tế phải bồi hoàn ưu đãi đã hưởng cho thời gian không đáp ứng cam kết và điều kiện hưởng ưu đãi.

3. Ưu đãi đầu tư đặc biệt được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Trong thời gian đang hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt, thực tế tổ chức kinh tế đáp ứng ở mức ưu đãi nào thì hưởng ưu đãi ở mức đó cho thời gian ưu đãi còn lại. Thời gian áp dụng ưu đãi còn lại được xác định bằng thời gian ưu đãi theo điều kiện ưu đãi thực tế trừ đi số năm miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, số năm áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, số năm miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đã được áp dụng trước đó.

Điều 5. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Thuế suất ưu đãi 9% trong thời gian 30 năm áp dụng đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư.

2. Thuế suất ưu đãi 7% trong thời gian 33 năm áp dụng đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án sau:

a) Dự án đầu tư bao gồm dự án thành lập mới hoặc dự án mở rộng các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư và đáp ứng một trong bốn tiêu chí sau:

b1) Có hoạt động ứng dụng, nghiên cứu, phát triển công nghệ cao và sản xuất sản phẩm công nghệ cao và đáp ứng đồng thời cả 3 điều kiện sau:

- Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của tổ chức kinh tế phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuần hàng năm;

- Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của tổ chức kinh tế trên giá trị của tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (bao gồm giá trị nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất nhập khẩu và mua nội địa) hàng năm đạt ít nhất 0,5%;

- Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của tổ chức kinh tế đạt ít nhất 1%.

b2) Có doanh nghiệp Việt Nam không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư tham gia chuỗi giá trị và đáp ứng đồng thời cả 2 điều kiện sau:

- Có từ 30% đến 40% doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp tham gia và thực hiện hợp đồng lắp ráp, cung cấp linh kiện, nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm;

- Tối thiểu 30% giá thành sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị.

b3) Giá trị gia tăng chiếm từ trên 30% đến dưới 40% trong giá thành toàn bộ của sản phẩm đầu ra cuối cùng mà tổ chức kinh tế cung cấp.

b4) Được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao và thực hiện chuyển giao công nghệ đó cho doanh nghiệp Việt Nam không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư trong thời hạn 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn 05 năm nêu trên được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, nhưng chậm được bàn giao đất thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày bàn giao đất trên thực địa.

3. Thuế suất ưu đãi 5% trong thời gian 38 năm áp dụng đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án sau:

a) Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư và đáp ứng một trong bốn tiêu chí sau:

b1) Có hoạt động ứng dụng, nghiên cứu, phát triển công nghệ cao và sản xuất sản phẩm công nghệ cao và đáp ứng đồng thời cả 3 điều kiện sau:

- Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của tổ chức kinh tế phải đạt ít nhất 80% trong tổng doanh thu thuần hàng năm;

- Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của tổ chức kinh tế trên giá trị của tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (bao gồm giá trị nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất nhập khẩu và mua nội địa) hàng năm đạt ít nhất 1%;

- Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của tổ chức kinh tế đạt ít nhất 2%.

b2) Có doanh nghiệp Việt Nam không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư tham gia chuỗi giá trị và đáp ứng đồng thời cả 2 điều kiện sau:

- Có trên 40% doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp tham gia và thực hiện hợp đồng lắp ráp, cung cấp linh kiện, nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm;

- Tối thiểu 40% giá thành sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị.

b3) Giá trị gia tăng chiếm trên 40% trong giá thành toàn bộ của sản phẩm đầu ra cuối cùng mà tổ chức kinh tế cung cấp.

b4) Được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao và thực hiện chuyển giao công nghệ đó cho ít nhất 03 doanh nghiệp Việt Nam không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư trong thời hạn 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn 05 năm nêu trên được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, nhưng chậm được bàn giao đất thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày bàn giao đất trên thực địa.

Điều 6. Thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Miễn thuế 5 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 10 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

2. Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 12 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 13 năm tiếp theo đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

Điều 7. Ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 18 năm và giảm 55% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

2. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 20 năm và giảm 65% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 23 năm và giảm 75% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

Điều 8. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (3b).

Phạm Minh Chính